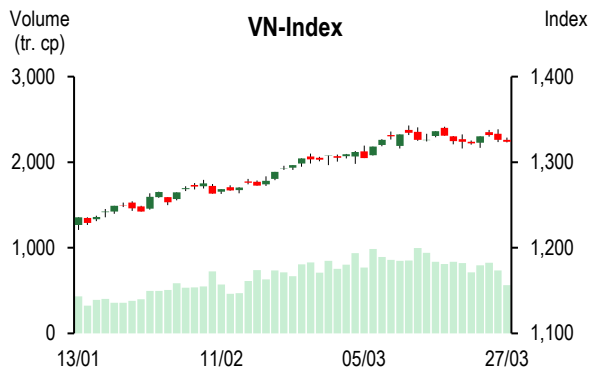


27/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,323.81	-0.17%	1,380.26	-0.09%	239.54	-0.74%
Tổng KLGD (tr. cp)	672.62	-19.45%	292.05	-15.67%	60.56	-16.40%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	564.57	-23.21%	222.83	-25.87%	46.04	-14.52%
TB 20 phiên (tr. cp)	828.86	-31.89%	303.57	-26.60%	58.76	-21.66%
Tổng GTGD (tỷ VND)	16,094	-14.42%	9,122	-11.87%	1,014	-20.28%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	12,750	-23.19%	6,362	-29.56%	777	-18.45%
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,352	-30.52%	9,035	-29.59%	1,039	-25.15%
Số mã tăng	156	30%	8	27%	73	32%
Số mã giảm	278	54%	21	70%	98	44%
Số mã đứng giá	82	16%	1	3%	54	24%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường thu hẹp biên độ dao động và chuyển sang trạng thái giằng co, dù vậy, lực bán tiếp tục chiếm ưu thế đẩy chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản sụt giảm mạnh hơn 30% so với mức bình quân 20 phiên cho thấy sự lưỡng lự đang chi phối. Bối cảnh trong đời quyết định thuế quan chính thức sắp tới từ Mỹ vẫn đè nặng tâm lý giao dịch. Mới đây, tổng thống Trump đã thông báo áp thuế 25% đối với ô tô nhập khẩu, chỉ miễn trừ theo Hiệp định USMCA nếu chứng minh linh kiện sản xuất tại Mỹ, áp dụng từ ngày 2/4 tới. Dòng tiền phân hóa nhiều hơn khi sự phục hồi vẫn riêng lẻ ở từng nhóm cổ phiếu mà thiếu đi lan tỏa. Độ rộng cũng nghiêng về số mã giảm giá. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Công nghệ, Dệt may, Điện, ngược lại, nhóm Chứng khoán, Ngân hàng, Viễn thông, Dầu khí, phản ứng kém khả quan. Về mặt điểm số, đóng vai trò nâng đỡ là lực kéo từ FPT, SHB, GVR, trong khi BID, VCB, TCB kìm hãm. Khối ngoại thu hẹp bán ròng phiên nay còn 63,7 tỷ, tập trung ở TPB, DBC, PNJ.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về xu hướng, VN-Index đang vận động trong giai đoạn điều chỉnh. Các chỉ báo kỹ thuật chưa cải thiện nhiều cho thấy quán tính giảm vẫn còn. Dù vậy, thanh khoản rơi về mức thấp giúp kỳ vọng nhịp giảm không quá sốc và thị trường sớm tìm được vùng cân bằng. Tuy nhiên, cũng cần tiếp tục lưu ý ngưỡng 1320 điểm: một sự sụt giảm mạnh qua ngưỡng này có thể phát tín hiệu tiêu cực với mức thoái lui sâu hơn là tìm về khu vực tâm lý 1300 điểm. Khớp lệnh cũng giảm ở VN30 với nền Doji thể hiện sự giằng co, dao động khả năng duy trì rung lắc quanh hỗ trợ 1380 điểm. Còn đối với HNX-Index, đà bán đã khiến chỉ số đánh mất hỗ trợ MA20 có rủi ro lồi về mức thấp hơn là ngưỡng 235 điểm. Chiến lược: Tập trung vào danh mục cá nhân, vì dòng tiền đang phân hóa mạnh nên cơ cấu dứt khoát nếu cổ phiếu bị vi phạm, trường hợp những mã vẫn duy trì tốt hỗ trợ vẫn nắm giữ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Nắm giữ KBC

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT
Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KBC	Nắm giữ	28/03/2025	29.55	30.30	-2.5%	34.0	12.2%	28.5	-5.9%	Kiểm định hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QTP	Nắm giữ	26/02/2025	13.83	13.80	0.2%	15	8.7%	13.6	-1.4%	Nâng stop loss 13.6
2	KBC	Nắm giữ	28/03/2025	29.55	30.30	-2.5%	34	12.2%	28.5	-6%	
3	DXG	Mua	20/03/2025	16.40	16.75	-2.1%	18.5	10.4%	15.8	-6%	
4	POW	Mua	24/03/2025	12.85	12.45	3.2%	13.5	8.4%	12	-4%	
5	BVB	Mua	25/03/2025	14.20	14.5	-2.1%	16	10.3%	13.8	-5%	
6	GVR	Mua	26/03/2025	34.95	34.6	1.0%	38	10%	33	-5%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Dự báo mới nhất về lãi suất, giá USD tại Việt Nam

Nhiều tổ chức tài chính quốc tế dự báo giá USD sẽ chạm mốc 26.000 đồng, lãi suất duy trì mức thấp trong ngắn hạn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Dự báo cập nhật của UOB về tỉ giá USD/VND là 25.800 đồng trong quý II, 26.000 đồng trong quý III và khoảng 25.800 vào quý IV năm nay.

Một ngân hàng nước ngoài khác là Standard Chartered cũng vừa điều chỉnh dự báo tỉ giá USD/VND. Trong báo cáo kinh tế vĩ mô về Việt Nam vừa được công bố, Standard Chartered nói rằng VND đã duy trì xu hướng chung với các đồng tiền thuộc thị trường mới nổi châu Á trong ba năm qua, chịu tác động từ môi trường đồng USD mạnh.

Trong khi đó, lãi suất tiền gửi tiếp tục hạ nhiệt. Thống kê mới nhất của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, trong vòng 1 tháng qua đã có 24 ngân hàng thương mại trong nước điều chỉnh giảm lãi suất huy động. Mức giảm lãi suất tiền gửi từ 0,1 – 1,05 điểm % tùy từng kỳ hạn.

"Ngân hàng Nhà nước sẽ tăng lãi suất thêm 0,5 điểm % trong quý II/2025 nhằm ứng phó với lạm phát gia tăng" – chuyên gia của Standard Chartered dự báo.

Giá xăng tăng mạnh, RON 95 lên sát 20.500 đồng/lít

Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa phát đi thông tin về việc điều hành giá xăng dầu từ 15h ngày 27/3.

Theo đó, Liên Bộ quyết định tăng 340 đồng/lít với xăng E5 RON 92 và xăng RON 95. Sau điều chỉnh, giá bán lẻ tối đa với xăng E5 RON 92 là 20.030 đồng/lít và xăng RON 95 là 20.420 đồng/lít.

Tương tự, giá dầu diesel tăng 320 đồng/lít lên 18.210 đồng/lít, dầu hỏa tăng 410 đồng/lít, lên mức 18.520 đồng/lít; trong khi đó dầu mazut giảm 50 đồng/kg còn 16.900 đồng/kg.

Như vậy, từ đầu năm đến nay, xăng RON 95 tăng 7 lần, giảm 6 lần. Dầu diesel có 6 lần tăng, 6 lần giảm và một lần giữ nguyên.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

CTCK ước tính KQKD quý 1/2025 của 17 doanh nghiệp bất động sản "hot": Loạt tên tuổi kỳ vọng lãi đột biến, Vinhomes có thể tăng trưởng hơn 1.200%

Cụ thể, tại nhóm bất động sản khu công nghiệp, VCBS dự báo LNST quý 1 của **Đô thị Kinh Bắc (mã KBC)** có thể đạt mức 301 tỷ đồng. Cho cả năm 2025, VCBS dự phóng lãi sau thuế của KBC có thể tăng trưởng đột biến 229% lên hơn 1.400 tỷ.

Động lực đến từ việc doanh nghiệp tiếp tục tiến hành cho thuê các lô đất còn lại tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh, Tân Phú Trung. Bên cạnh đó, KBC sở hữu quỹ đất lớn tạo dư địa tăng trưởng trong dài hạn, kỳ vọng tăng trưởng tốt từ những chuyển biến pháp lý quan trọng tại KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3.

SIP cũng được dự báo LNST quý 1 tăng trưởng 14% lên mức 290 tỷ, nhờ việc bổ sung quỹ đất từ KCN Long Đức 2, tổng quỹ đất tăng lên 1.160ha thương phẩm. Hoạt động cho thuê đất của doanh nghiệp duy trì tốc độ tích cực và giá thuê còn nhiều dư địa gia tăng. Mặt khác, SIP có nguồn lực tài chính tốt, sở hữu dòng tiền dồi dào từ các mảng phân phối điện, tiện ích trong KCN.

Với **BCM**, doanh thu thuần quý 1 có thể tăng 5% lên 853 tỷ đồng, LNST có thể đạt 132 tỷ. Theo VCBS, mối quan hệ Việt Nam - Singapore nâng thành đối tác chiến lược toàn diện thúc đẩy tiềm năng phát triển của VSIP. Hiện VSIP mới nhận KCN 1090ha tại Nam Định, VSIP 3 180ha tại Nghệ An.

Tại nhóm bất động sản nhà ở, VCBS dự phóng LNST quý 1 của **Vinhomes (VHM)** có thể tăng trưởng 1.254% so với cùng kỳ lên 11.187 tỷ. Cho cả năm 2025, dự phóng lãi sau thuế có thể tăng 16% lên 35.739 tỷ. VCBS chỉ ra rằng doanh số bán hàng của VHM có thể tăng trưởng nhờ các dự án mới như Vinhomes Đan Phượng, Vinhomes Dương Kinh.

VCBS đánh giá **Phát Đạt (PDR)** cơ bản hoàn thành tái cấu trúc tài chính và bước vào chu kỳ đầu tư mới. KDC Bắc Hà Thanh (Bình Định) duy trì đóng góp dòng tiền và lợi nhuận trong nửa đầu 2025 và kỳ vọng lợi nhuận lớn từ dự án Cao ốc Thuận An 1&2 (Bình Dương). LNST quý 1 dự phóng tăng trưởng 300% so với cùng kỳ lên 210 tỷ.

Nguồn: Cafef

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG
TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
FPT	126,200	2.60%	0.09%
SHB	12,700	3.67%	0.03%
GVR	34,950	1.30%	0.03%
MSN	69,400	1.61%	0.03%
BVH	53,200	1.92%	0.01%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
DTK	14,300	7.52%	0.18%
DNP	20,000	3.09%	0.02%
SHS	14,700	0.68%	0.02%
DHT	87,800	0.92%	0.02%
DL1	6,700	9.84%	0.02%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
BID	39,100	-1.14%	-0.06%
VCB	65,500	-0.46%	-0.05%
TCB	27,750	-0.89%	-0.03%
LPB	33,000	-1.35%	-0.02%
VHM	51,200	-0.58%	-0.02%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSF	68,700	-6.53%	-0.37%
NVB	11,600	-2.52%	-0.09%
VIF	17,800	-3.78%	-0.06%
MBS	30,000	-1.32%	-0.06%
KSV	190,000	-0.52%	-0.05%

TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH
HOSE

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHB	65,759,600	821.9
FPT	6,464,400	801.7
MSN	7,235,300	505.6
HCM	14,487,900	447.0
VHM	7,904,300	403.9

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
MBS	3,607,943	108.8
SHS	7,247,379	106.7
CEO	5,057,919	74.2
PVS	1,757,633	57.1
TNG	1,815,768	39.8

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN
HOSE

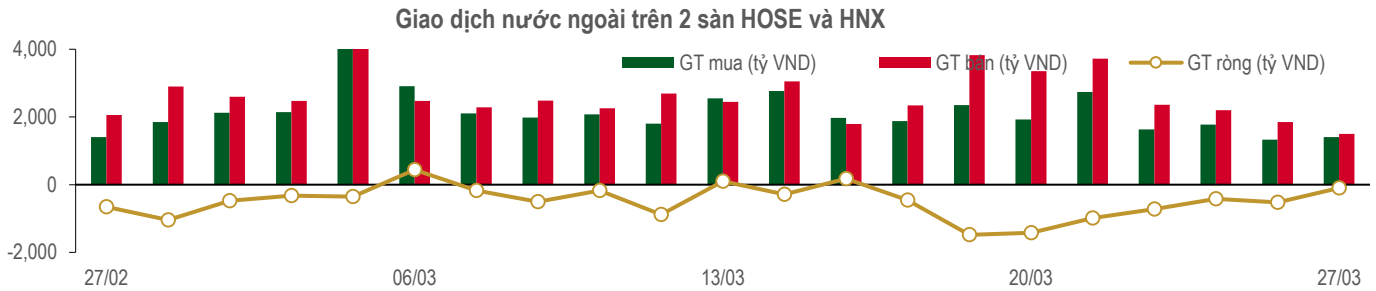
Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
VIC	26,147,550	1,542.7
HPG	9,563,000	258.7
SSB	11,414,000	226.4
MSB	15,344,500	174.4
VHM	2,781,200	144.6

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
SHS	7,572,000	111.3
HUT	1,600,000	25.0
PVC	1,855,000	20.7
IDC	310,000	16.8
DNP	850,200	16.3

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	42.26	1,380.58	44.69	1,444.84	(2.43)	(64.26)
HNX	1.03	21.21	1.76	52.82	(0.73)	(31.62)
Tổng 2 sàn	43.29	1,401.78	46.46	1,497.66	(3.17)	(95.88)


TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	126,200	2,960,090	367.79
SHB	12,700	6,351,586	78.95
VCI	38,300	1,754,800	67.35
MSN	69,400	909,318	63.52
MWG	60,400	870,400	52.52

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
TNG	22,000	475,224	10.34
VTZ	17,400	208,400	3.62
NTP	67,500	22,000	1.49
SHS	14,700	87,200	1.28
VFS	16,700	63,200	1.04

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	126,200	2,688,404	333.35
TPB	14,300	11,297,700	162.28
DBC	29,600	2,460,700	72.42
MWG	60,400	1,032,000	62.23
PNJ	84,900	705,890	60.33

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,400	673,000	21.87
IDC	53,500	396,100	21.26
OCH	6,400	264,500	1.72
NTP	67,500	14,900	1.01
VGS	29,100	34,100	1.00

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
SHB	12,700	5,551,498	68.97
VCI	38,300	1,475,400	56.63
GVR	34,950	1,248,140	43.69
MSN	69,400	610,818	42.75
VND	15,550	2,405,425	36.79

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
TNG	22,000	442,880	9.63
VTZ	17,400	205,500	3.57
VFS	16,700	40,600	0.67
PVI	66,700	7,900	0.53
SHS	14,700	33,100	0.49

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
TPB	14,300	(11,256,828)	(161.69)
DBC	29,600	(2,341,800)	(68.92)
PNJ	84,900	(533,791)	(45.59)
SAB	49,550	(785,630)	(38.90)
VIC	57,100	(438,919)	(25.11)

HNX

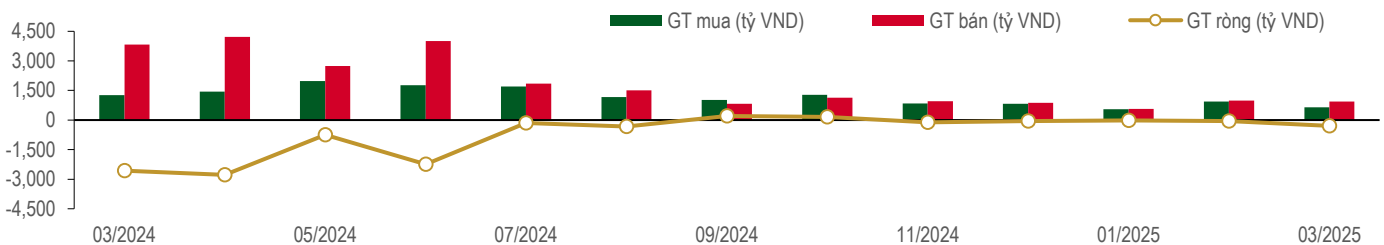
Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	32,400	(670,100)	(21.77)
IDC	53,500	(392,600)	(21.07)
OCH	6,400	(264,500)	(1.72)
VGS	29,100	(34,094)	(1.00)
NAG	14,400	(56,533)	(0.80)

THÔNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
THÔNG KÊ GIÁ

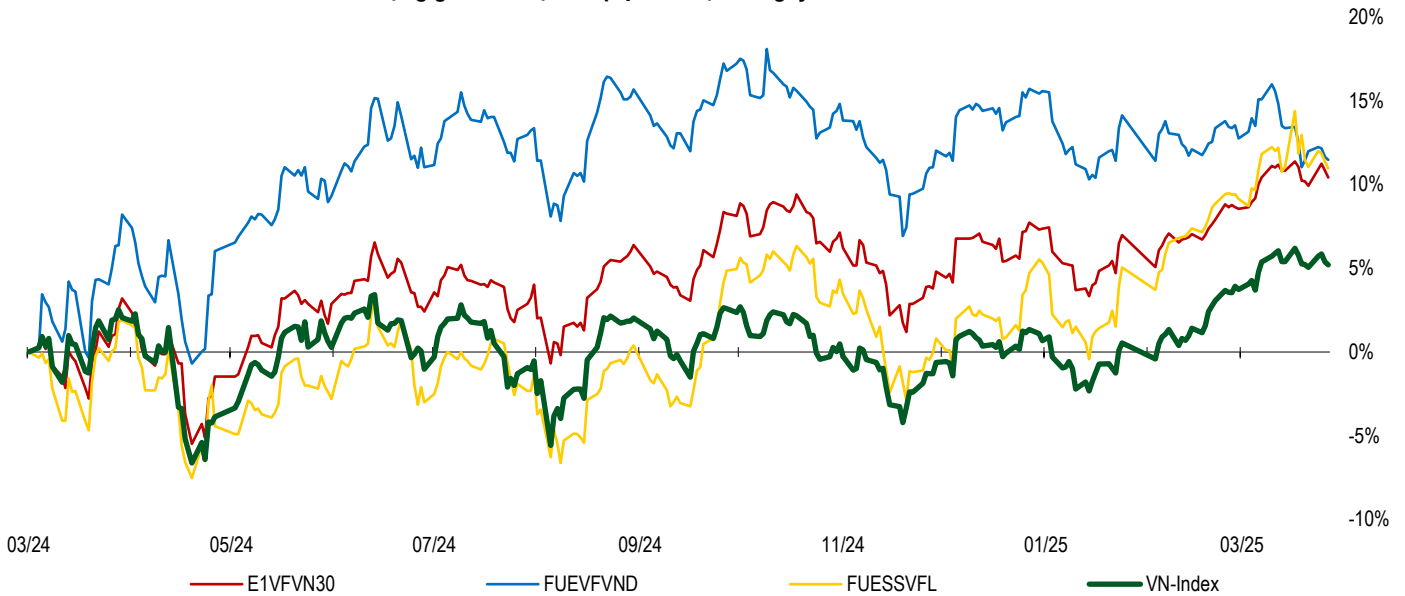
Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	-0.4%	201,300	4.86
FUEMAV30	-1.0%	1,500	0.02
FUESSV30	0.3%	8,900	0.15
FUESSV50	-1.2%	9,700	0.20
FUESSVFL	-0.4%	34,200	0.79
FUEVFN30	-0.2%	215,200	6.92
FUEVN100	-0.4%	45,200	0.83
FUEIP100	1.0%	500	0.00
FUEKIV30	-0.3%	1,600	0.01
FUEDCMID	-0.4%	13,000	0.16
FUEKIVFS	0.0%	0	0.00
FUEMAVND	-0.4%	100	0.00
FUEFCV50	0.3%	5,400	0.06
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	0.0%	0	0.00
FUEABVND	0.0%	24,715	0.25
Tổng cộng		561,315	14.26

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFN30	0.65	1.87	(1.21)
FUEMAV30	0.00	0.01	(0.01)
FUESSV30	0.00	0.14	(0.14)
FUESSV50	0.01	0.15	(0.15)
FUESSVFL	0.02	0.23	(0.22)
FUEVFN30	3.69	2.17	1.52
FUEVN100	0.12	0.34	(0.22)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.01	(0.01)
FUEDCMID	0.00	0.14	(0.14)
FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	0.00	0.00	0.00
FUEFCV50	0.00	0.01	(0.01)
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	4.49	5.08	(0.59)

Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại


Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-27/03/2025


THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	370	-7.5%	2,045,300	32	26,000	306	(64)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	610	-7.6%	2,231,200	123	26,000	455	(155)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	630	0.0%	0	48	26,000	258	(372)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,060	-1.9%	2,000	123	26,000	720	(340)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,800	-2.7%	12,800	364	26,000	722	(1,078)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,320	-3.6%	12,900	214	26,000	620	(700)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	600	-9.1%	154,800	60	26,000	416	(184)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,460	0.0%	0	196	26,000	492	(968)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	620	0.0%	0	95	26,000	258	(362)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	3,550	-13.2%	54,400	123	126,200	1,096	(2,454)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	630	0.0%	442,100	32	126,200	246	(384)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,570	2.0%	25,300	222	126,200	922	(1,648)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	2,100	-11.0%	4,100	140	126,200	497	(1,603)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2407	390	0.0%	800	95	126,200	9	(381)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	280	12.0%	318,800	123	126,200	42	(238)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	510	10.9%	301,700	214	126,200	74	(436)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	940	10.6%	40,600	364	126,200	146	(794)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	230	0.0%	535,100	60	126,200	3	(227)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,320	7.3%	159,000	288	126,200	279	(1,041)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	250	19.0%	2,100	95	126,200	14	(236)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	630	5.0%	112,200	131	126,200	100	(530)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	1,120	-6.7%	59,400	315	126,200	363	(757)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2501	390	-2.5%	39,400	95	22,650	213	(177)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	630	5.0%	1,097,700	55	27,500	228	(402)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	940	-1.1%	66,200	215	27,500	423	(517)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	580	-3.3%	109,600	32	27,500	421	(159)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	750	-10.7%	374,900	123	27,500	420	(330)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	1,930	-5.9%	78,300	222	27,500	1,167	(763)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	980	0.0%	0	140	27,500	323	(657)	28,000	4.00	12/08/2025
CHPG2412	280	-3.4%	314,500	95	27,500	42	(238)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	1,150	-2.5%	386,200	91	27,500	831	(319)	25,500	3.00	24/06/2025

CHPG2502	1,120	-16.4%	16,000	183	27,500	592	(528)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	1,060	-4.5%	44,200	60	27,500	611	(449)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,660	-1.8%	36,000	214	27,500	636	(1,024)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,380	-2.1%	35,300	364	27,500	783	(1,597)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,250	-2.3%	21,400	288	27,500	535	(715)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	600	1.7%	900	95	27,500	229	(371)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	2,240	0.0%	0	210	27,500	1,089	(1,151)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	1,200	10.1%	108,300	131	27,500	409	(791)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,350	-2.2%	5,100	315	27,500	578	(772)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,290	-2.6%	266,200	55	23,900	2,125	(165)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	790	-1.3%	6,641,700	123	23,900	624	(166)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	710	-5.3%	423,100	32	23,900	655	(55)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,830	-2.1%	2,715,400	222	23,900	1,541	(289)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2409	480	-4.0%	172,200	95	23,900	168	(312)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,650	-2.9%	103,500	123	23,900	1,329	(321)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,030	-2.4%	29,000	60	23,900	1,843	(187)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,280	-3.0%	23,800	214	23,900	1,519	(761)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,740	-1.8%	16,900	364	23,900	1,614	(1,126)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,870	-3.1%	25,600	378	23,900	1,071	(799)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	95	23,900	987	(763)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	1,720	-6.5%	96,700	315	23,900	1,169	(551)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,260	-11.3%	10,400	131	23,900	979	(281)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	950	9.2%	33,400	123	69,400	316	(634)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	160	23.1%	2,262,000	32	69,400	21	(139)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	690	0.0%	577,600	222	69,400	432	(258)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2408	170	30.8%	1,745,600	95	69,400	24	(146)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	630	5.0%	195,900	91	69,400	328	(302)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	660	10.0%	973,100	60	69,400	305	(355)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,680	4.3%	541,000	214	69,400	728	(952)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	450	2.3%	61,300	95	69,400	273	(177)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	1,100	-7.6%	39,800	55	60,400	232	(868)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	270	-6.9%	351,400	32	60,400	83	(187)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	1,040	-3.7%	245,500	123	60,400	491	(549)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	580	-4.9%	307,700	222	60,400	380	(200)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	520	-3.7%	700	48	60,400	147	(373)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2410	240	-7.7%	104,300	95	60,400	63	(177)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	900	0.0%	221,700	91	60,400	557	(343)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	890	-7.3%	1,055,700	60	60,400	592	(298)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,620	-2.4%	56,000	214	60,400	873	(747)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	2,060	-2.4%	37,300	364	60,400	1,020	(1,040)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,610	-3.0%	12,600	196	60,400	834	(776)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	500	0.0%	35,400	95	60,400	428	(72)	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	1,400	8.5%	211,600	48	12,700	1,316	(84)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2403	1,160	19.6%	562,600	95	12,700	944	(216)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,670	7.7%	74,600	91	12,700	1,584	(86)	9,915	1.80	24/06/2025
CSTB2402	2,900	-2.4%	215,301	55	38,250	2,794	(106)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	760	-11.6%	108,200	32	38,250	655	(105)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,200	-6.3%	113,300	123	38,250	928	(272)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,160	-7.9%	1,064,500	222	38,250	1,159	(1)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,580	0.0%	0	48	38,250	1,130	(450)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2413	700	-13.6%	50,200	95	38,250	372	(328)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,150	-8.5%	9,500	91	38,250	1,768	(382)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,220	-5.5%	4,000	183	38,250	1,531	(689)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,150	-8.1%	21,800	60	38,250	1,885	(265)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	2,680	-6.0%	19,200	214	38,250	1,706	(974)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	1,920	-3.0%	100	196	38,250	794	(1,126)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,980	0.0%	0	95	38,250	1,092	(888)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	870	-3.3%	48,400	222	27,750	676	(194)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,360	0.0%	0	140	27,750	717	(643)	25,000	5.00	12/08/2025

CTCB2406	460	4.5%	100	95	27,750	282	(178)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,590	-1.1%	13,900	123	27,750	2,129	(461)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,240	-3.4%	76,900	60	27,750	1,968	(272)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,420	-2.8%	20,300	214	27,750	1,668	(752)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,420	-4.7%	46,900	288	27,750	784	(636)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,690	-15.5%	5,800	95	27,750	1,144	(546)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,560	0.0%	0	210	27,750	994	(566)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	210	-8.7%	38,000	48	14,300	3	(207)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2405	160	-5.9%	2,400	95	14,300	3	(157)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	350	-2.8%	2,500	95	14,300	47	(303)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,490	0.0%	56,000	123	51,200	962	(528)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	880	-6.4%	143,500	32	51,200	720	(160)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,720	-0.8%	87,000	222	51,200	3,510	(210)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,500	2.0%	1,000	140	51,200	1,992	(508)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2411	1,030	0.0%	301,500	95	51,200	626	(404)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	2,000	1.5%	31,300	60	51,200	1,885	(115)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	2,200	0.0%	144,400	214	51,200	1,628	(572)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,390	0.8%	5,400	378	51,200	1,664	(726)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	3,120	-5.5%	2,600	95	51,200	3,697	577	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	550	-1.8%	268,300	55	20,000	274	(276)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,100	-0.9%	120,700	32	20,000	1,028	(72)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	570	0.0%	59,400	123	20,000	412	(158)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	1,780	-0.6%	119,200	222	20,000	1,357	(423)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	660	-2.9%	300	48	20,000	232	(428)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	500	-5.7%	76,900	60	20,000	357	(143)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,060	0.0%	23,100	214	20,000	504	(556)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	1,670	0.0%	0	95	20,000	449	(1,221)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	3,600	0.0%	94,300	32	57,100	3,549	(51)	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	3,920	0.5%	113,400	123	57,100	3,629	(291)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2407	2,080	0.5%	752,200	95	57,100	1,727	(353)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	3,500	0.6%	73,900	60	57,100	3,455	(45)	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	3,120	0.0%	124,400	214	57,100	2,611	(509)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	4,200	1.0%	9,200	95	57,100	4,935	735	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2501	420	-16.0%	22,000	95	96,500	123	(297)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	480	2.1%	56,800	55	61,100	119	(361)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	80	0.0%	202,500	32	61,100	9	(71)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	400	-4.8%	1,297,000	123	61,100	137	(263)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	540	-1.8%	461,200	222	61,100	256	(284)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2501	410	0.0%	397,700	60	61,100	129	(281)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,080	-2.7%	514,200	214	61,100	407	(673)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,650	-1.2%	52,600	364	61,100	473	(1,177)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,340	0.0%	0	196	61,100	338	(1,002)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	420	-28.8%	62,900	95	61,100	106	(314)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	430	-4.4%	393,600	55	19,250	218	(212)	19,939	1.90	19/05/2025
CVPB2407	250	-10.7%	1,004,200	123	19,250	108	(142)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	110	0.0%	338,400	32	19,250	27	(83)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	560	-1.8%	73,500	222	19,250	267	(293)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	790	-1.3%	28,100	140	19,250	169	(621)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2412	270	-6.9%	760,600	95	19,250	41	(229)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,150	-4.2%	178,700	214	19,250	562	(588)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,540	-1.9%	25,100	364	19,250	623	(917)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	620	-6.1%	958,100	60	19,250	428	(192)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,420	-1.4%	2,100	378	19,250	557	(863)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	980	0.0%	0	95	19,250	319	(661)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	870	-3.3%	77,500	193	19,250	482	(388)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	640	-9.9%	258,000	32	19,650	544	(96)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	590	-7.8%	318,800	123	19,650	461	(129)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	2,350	-2.1%	304,100	222	19,650	2,172	(178)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	1,010	0.0%	0	140	19,650	490	(520)	20,000	3.00	12/08/2025

CVRE2410	240	-14.3%	152,900	95	19,650	131	(109)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	920	-9.8%	498,200	91	19,650	757	(163)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,590	-6.5%	27,900	60	19,650	1,427	(163)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,910	-5.9%	15,000	214	19,650	1,462	(448)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	2,950	0.0%	0	95	19,650	2,352	(598)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	2,300	-0.9%	100	210	19,650	1,785	(515)	17,000	2.00	21/10/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền
 (**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
DGW	HOSE	19/03/2025	38,700	48,500	25.3%	Mua
DBD	HOSE	13/03/2025	55,500	68,000	22.5%	Mua
HAH	HOSE	17/02/2025	52,500	61,200	16.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	HOSE	11/02/2025	84,900	111,700	31.6%	Mua
HPG	HOSE	10/02/2025	27,500	32,400	17.8%	Tăng tỷ trọng
DRI	UPCOM	04/02/2025	15,517	15,100	-2.7%	Giảm tỷ trọng
DPR	HOSE	01/04/2025	52,500	43,500	-17.1%	Bán
VNM	HOSE	21/01/2025	61,100	72,500	18.7%	Tăng tỷ trọng
STB	HOSE	13/01/2025	38,250	38,800	1.4%	Nắm giữ
ACB	HOSE	31/12/2024	26,000	31,900	22.7%	Mua
MBB	HOSE	31/12/2024	23,900	31,100	30.1%	Mua
MSB	HOSE	31/12/2024	11,800	13,600	15.3%	Tăng tỷ trọng
SHB	HOSE	31/12/2024	12,700	12,400	-2.4%	Giảm tỷ trọng
TCB	HOSE	31/12/2024	27,750	30,700	10.6%	Tăng tỷ trọng
TPB	HOSE	31/12/2024	14,300	19,700	37.8%	Mua
VIB	HOSE	31/12/2024	20,000	22,900	14.5%	Tăng tỷ trọng
VPB	HOSE	31/12/2024	19,250	24,600	27.8%	Mua
CTG	HOSE	31/12/2024	41,600	42,500	2.2%	Nắm giữ
HDB	HOSE	31/12/2024	22,650	28,000	23.6%	Mua
VCB	HOSE	31/12/2024	65,500	69,900	6.7%	Nắm giữ
BID	HOSE	31/12/2024	39,100	41,300	5.6%	Nắm giữ
LPB	HOSE	31/12/2024	33,000	28,700	-13.0%	Bán
MSH	HOSE	31/12/2024	58,700	58,500	-0.3%	Giảm tỷ trọng
TCM	HOSE	31/12/2024	39,150	50,300	28.5%	Mua
IDC	HNX	31/12/2024	53,500	72,000	34.6%	Mua
SZC	HOSE	31/12/2024	43,750	49,500	13.1%	Tăng tỷ trọng
BCM	HOSE	31/12/2024	77,400	80,000	3.4%	Nắm giữ
SIP	HOSE	31/12/2024	91,000	88,000	-3.3%	Giảm tỷ trọng
IMP	HOSE	31/12/2024	45,650	41,800	-8.4%	Giảm tỷ trọng
VHC	HOSE	31/12/2024	64,000	83,900	31.1%	Mua
ANV	HOSE	31/12/2024	16,600	17,200	3.6%	Nắm giữ
FMC	HOSE	31/12/2024	47,350	50,300	6.2%	Nắm giữ
SAB	HOSE	31/12/2024	49,550	64,000	29.2%	Mua
MWG	HOSE	31/12/2024	60,400	73,600	21.9%	Mua
VSC	HOSE	31/12/2024	17,500	18,200	4.0%	Nắm giữ
GMD	HOSE	31/12/2024	58,100	71,000	22.2%	Mua
PVT	HOSE	31/12/2024	25,300	31,500	24.5%	Mua

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận

7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,

Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung

Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801